TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07- 04 - 2023
V/v tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Với Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Minh;

Ông Nguyễn Văn Y.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Anh Thư, là thư ký Tòa án nhân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Cảnh - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 20 tháng 03 và ngày 07 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 360/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/05/2022, về việc "Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXX-DS ngày 15/02/2023, quyết định hoãn phiên toà số 19/2023 ngày 03/03/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Đoàn Thị Kim K**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp T, xã DĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Hữu T,** sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp T A, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng*:

+ Anh **Đồng Văn S**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

+ Anh **Đoàn Quang D**, sinh năm 1977

+ Anh **Đoàn Tấn Đạt H**, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã DĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Chị Kim Thoa có mặt; Anh T, anh Dũng, anh Hưng vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** *Tại đơn khởi kiện ngày 14/03/2022 và bản tự khai bổ sung ngày 13/12/2022 và quá trình giải quyết vụ án, chi Đoàn Thị Kim K là nguyên đơn trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Hữu T chung sống với nhau vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc nên anh chị ly hôn. Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Về con chung anh T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Thị Kim M, sinh ngày 07/05/2004 và Nguyễn Thị Mai Q, sinh ngày 07/05/2011 chị K không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên sau khi ly hôn chị K và anh T không thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung, nên chị K nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia đôi tài sản chung như sau:

1. Căn nhà kiên cố có diện tích đất 99,2m^2 được xây dựng trên hai thửa đất số 1058, tờ bản đồ số 05, diện tích 61m^2 , đất ở tại nông thôn và thửa đất số 1059 tờ bản đồ số 05, diện tích 171,6m^2 loại đất trồng cây lâu năm, tại Ấp T A, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Hai thửa đất trên là tài sản riêng của anh Nguyễn Hữu T do anh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cùng ngày 12/06/2013. Căn nhà này do vợ chồng chị xây dựng vào năm 2012 hiện do anh T đang quản lý;

2. Tài sản khác gồm: 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; 01 máy giặc hiệu Panasonic; 01 bộ salon; 01 ti vi 24inch; 01 tủ ly; 01 kệ ti vi.

Tại đơn khởi kiện chị K yêu cầu chia đôi căn nhà và tài sản trong nhà. Yêu cầu được nhận giá trị. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên toà chị K xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu giải quyết đối với tài sản là 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; 01 máy giặc hiệu Panasonic; 01 bộ salon; 01 ti vi 24inch; 01 tủ ly; 01 kệ ti vi. Yêu cầu chia tài sản chung là diện tích căn nhà 99,2m^2 với kết cấu cấu cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch men 400 x 400, mái tole sóng vuông, tỉ lệ còn lại 70%, đơn giá 3.388.000 đồng, thành tiền là 235.262.720 đồng. Theo biên bản Hội đồng đã định giá vào ngày 08/12/2022. Yêu cầu được nhận bằng tiền ½ giá trị căn nhà, thành tiền là 117.631.360 đồng. Về đất thì không yêu cầu giải quyết.

Về chi phí tố tụng, chị K xin tự nguyện chịu hết, không yêu cầu giải quyết.

***** Bị đơn là anh Nguyễn Hữu T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

** Tại biên bản lấy lời khai của ông Đồng Văn S, Đoàn Tấn Đạt H, Đoàn Quang D ngày 23 và ngày 24/03/2023 là người làm chứng cùng trình bày:* Anh Nguyễn Hữu T có mua vật liệu xây dựng và thuê thợ đến xây nhà cho vợ chồng anh tại Ấp T A, xã NB, huyện CT tỉnh Tiền Giang vào khoản tháng 4 năm 2012.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phát biểu:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa; Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên toà, chị K có xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tài sản chung là 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; 01 máy giặc hiệu Panasonic; 01 bộ salon; 01 ti vi 24inch; 01 tủ ly; 01 kệ ti vi. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đối với yêu cầu này.

Về yêu cầu tài sản chung: là cấu trúc căn nhà cột bê tông cốt thép, vách tường nền gạch men 400 x 400, mái tole sóng vuông, diện tích (7m x 4,7m) + (8,5m x 7,8m) = 99,2m^2 tỉ lệ còn lại 70%, đơn giá 3.388.000 đồng/m^2, thành tiền là 235.262.720 đồng, theo biên bản định giá ngày 08/12/2022. Chị K yêu cầu được nhận ½ giá trị căn nhà, thành tiền là 117.631.360 đồng. Quá trình giải quyết vụ án anh T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy cấu trúc căn nhà do vợ chồng chị K và anh T tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân. Do đó yêu cầu khởi kiện của chị K là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra chị K và anh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Hữu T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để tham dự phiên tòa. Hội đồng xét xử, quyết định xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn, được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy tại phiên toà chị K xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản chung là 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; 01 máy giặc hiệu Panasonic; 01 bộ salon; 01 ti vi 24inch; 01 tủ ly; 01 kệ ti vi. Nhận thấy việc rút yêu cầu này là tự nguyện và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban

đầu, phù hợp với quy định tại Điều 5 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nội dung vụ án:

- Xác định tài sản chung: Tại phiên tòa và quá trình giải quyết vụ án chị K trình bay, tài sản chung của vợ chồng là cấu trúc căn nhà cột bê tông cốt thép, vách tường nền gạch men 400 x 400, mái tole sóng vuông, diện tích (7m x 4,7m) + (8,5m x 7,8m) = 99,2m^2 tỉ lệ còn lại 70%, đơn giá 3.388.000 đồng/m^2, thành tiền là 235.262.720 đồng, theo biên bản định giá ngày 08/12/2022. Nhận thấy quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định pháp luật, nhưng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy đây là chứng cứ có thật phù hợp với khoản 2 Điều 92, Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó có đủ cơ sở xác định căn nhà trên là tài sản chung của chị K và anh T tạo ra trong thời kỳ hôn nhân được quy định tại Điều 213 của Bộ luật dân sự và Điều 33 của Luật hôn nhân gia đình.

- Xét yêu cầu chia tài sản chung:

Như đã phân tích ở trên, tài sản chung của chị K và anh T là cấu trúc căn nhà cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch men 400x 400, mái tole sóng vuông, diện tích 99,2m^2. Do đó chị K yêu cầu chia đôi tài sản chung là hoàn toàn có cơ sở phù hợp với qui định tại Điều 38, Điều 59 Luật hôn nhân gia đình.

Tổng giá trị tài sản chung theo biên bản định giá ngày 08/12/2022 là: 235.262.720 đồng. Chị K, anh T được chia mỗi người là: 235.262.720 đồng : 2 = 117.631.360 đồng.

Nhận thấy, anh T là người đang quản lý căn nhà được xây dựng trên hai thửa đất số 1058, tờ bản đồ số 05, diện tích 61m^2 , đất ở tại nông thôn và thửa đất số 1059 tờ bản đồ số 05, diện tích 171,6m^2 loại đất trồng cây lâu năm, tại Ấp T A, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang do anh Nguyễn Hữu T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cùng ngày 12/06/2013. Đồng thời chị K thừa nhận thửa đất 1058 và 1059 là tài sản riêng của anh T được ông bà tặng cho, nên cần phải giao cho anh T sở hữu căn nhà nêu trên. Do anh T được giao sở hữu tài sản căn nhà có giá trị là 235.262.720 đồng, vì vậy anh có nghĩa vụ hoàn lại cho chị K ½ giá trị căn nhà thành tiền là 117.631.360 đồng.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Kim K.

[5] Về chi phí tố tụng: Chị K tự nguyện chịu hết không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Theo qui định tại điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chị K, anh T mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần tài sản được nhận có giá trị 117.631.360 đồng là 5.881.568 đồng.

[7] Xét phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 33; Điều 38; Điều 59 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào Điều 213 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 5; Khoản 2 Điều 244; khoản 2 Điều 92; Điều 93; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đoàn Thị Kim K.

2/ Đình chỉ xét xử về việc yêu cầu chia tài sản chung của chị Đoàn Thị Kim K đối với tài sản là 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; 01 máy giặc hiệu Panasonic; 01 bộ salon; 01 ti vi 24inch; 01 tủ ly; 01 kệ ti vi.

3/ Xác định tài sản chung của chị Đoàn Thị Kim K với anh Nguyễn Hữu T:

- Một (01) căn nhà cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch men, mái tole sóng vuông, diện tích (7m x 4,7m) + (8,5m x 7,8m) = 99,2m^2 được xây dựng trên diện tích đất 61,0m^2 thuộc thửa 1058 và diện tích đất 171,6m^2, cùng tờ bản đồ số 05 theo hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cùng ngày 12/06/2013 do anh Nguyễn Hữu T đứng tên, tọa lạc tại Ấp T A, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Tổng giá trị là: 235.262.720 đồng.

Chia cho chị Đoàn Thị Kim K và anh Nguyễn Hữu T mỗi người ½ tài sản chung trị giá: 235.262.720 đồng : 2 = 117.631.360 đồng.

- Giao anh T sở hữu 01 căn nhà kết cấu cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch men 400x 400, mái tole sóng vuông, diện tích (7m x 4,7m) + (8,5m x 7,8m) = 99,2m^2 theo biên bản định giá ngày 08/12/2022, được xây dựng trên hai phần đất có diện tích 61,0m^2 thuộc thửa 1058 và diện tích đất 171,6m^2 thuộc thửa 1059 tọa lạc tại Ấp T A, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Anh T phải có trách nhiệm hoàn lại cho chị K số tiền là 117.631.360 đồng. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4/ Về án phí:

- Chị Đoàn Thị Kim K phải chịu 5.881.568 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị K đã nộp 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0020362 ngày 06/05/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, nên chị K còn phải nộp tiếp 2.131.568 đồng.

- Anh Nguyễn Hữu T phải chịu 5.881.568 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trịnh Phan Minh Trâm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu.